

Bản án số: **58/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-9-2022

*“V/v tranh chấp xin ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chơn.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Lê Tấn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

***2. Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Lê Tấn T trình bày như sau:*

Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ X cưới nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/10/2016. Sau khi cưới thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, nên thường X cự cãi, không quan tâm vợ con làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân 05 năm nay. Nay xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng

được nữa, nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 17/5/2017 đang sống với chị X, anh đồng ý giao con cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến hòa giải, công khai chứng cứ nhưng chị X không hợp tác, cũng không trình bày ý kiến yêu cầu của mình gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

*Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm có:* Đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 (Bản gốc); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản photo chứng thực); trích lục giấy kết hôn (Bản sao); giấy khai sinh (Bản sao); đơn xác nhận tình trạng cư trú ngày 22/02/2022 (Bản gốc); biên bản xác minh ngày 06/7/2022 (Bản gốc).

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn Lê Tấn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X vắng mặt nên không có ý kiến.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tấn T đối với chị Nguyễn Thị Mỹ X là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét người con chung đang sống cùng chị X, anh T đồng ý tiếp tục giao con cho chị X nuôi dưỡng nên giao con chung cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con với chị X nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị Nguyễn Thị Mỹ X theo quy định của pháp luật nhưng chị X vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Lê Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị X.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ X có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 115 ngày 03/10/2016 theo quy tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị X vắng mặt, đồng thời không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Qua lời trình bày của anh T cũng như kết quả xác minh từ địa phương cho thấy anh chị cưới 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong ngày 03/10/2016. Sau khi cưới thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, nên thường X cự cãi, không quan tâm vợ con làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân 05 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị X vắng mặt không có lý do, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai và cũng không ai muốn hàn gắn hôn nhân do đó có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được cho nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 17/5/2017 đang sống với chị X, anh T đồng ý giao con cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xét thấy, theo anh T trình bày cũng như kết quả xác minh từ địa phương xác định: Trong thời gian vợ chồng ly thân người con chung sống cùng với chị X, hiện nay cháu vẫn phát triển bình thường, anh T đồng ý cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung. Để đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, ổn định và sự phát triển bình thường của cháu Anh Thư, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Anh Thư cho chị X tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, chị X không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận như nêu ở nhận định trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tấn T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X.**

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ X;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 17/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ X tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Về cấp dưỡng: Chị X không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét;

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, chị X không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2/. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh Lê Tấn T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004806 ngày 09/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

**3/. Báo quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh P;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Chon**